TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 467/2023/DS-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trung Chính.
2. Bà Đỗ Thị A.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 340/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:
1.1. Bà Đoàn Minh H, sinh năm 1968.
1.2. Ông Nguyễn Đỗ Hữu T, sinh năm 2000.
Cùng địa chỉ: K-B, Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Số S-T, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền:
Bà Đỗ Bùi Diệu H1, sinh năm 1999 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số B-V, Phường X, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số N-H, Phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Minh H và ông Nguyễn Đỗ Hữu T cùng bản khai và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hồng H là bạn của bà Đoàn Minh H, khi ông H khó khăn cần tiền đóng học phí cho con nên hỏi vay tiền của bà H (theo nội dung tin nhắn vay tiền). Khi vay tiền ông H hứa trong 02 tuần sẽ trả. Bà H tin tưởng chuyển khoản cho vay trong 01 tháng, nhưng sau khi nhận tiền thì ông H hứa hẹn nhiều lần rồi không trả. Năm 2021, vào thời điểm bị giãn cách 05 tháng vì dịch Covid-19 nên bà H thông cảm để đến tháng 2/2022 ông H trả nợ. Ông H trả nợ được một khoản là 20.000.000 đồng. Sau đó bà H tiếp tục nhắc nhưng ông H chỉ hứa hẹn. Bà H có gặp bà T (hiện đang sống chung với ông H) thì bà T nói ông H không có gì để trả nợ, tài sản thuộc về bà T, họ không phải vợ chồng và ông H chỉ làm thuê (lái xe) cho bà T. Từ ngày 08/4/2021 đến ngày 15/11/2021 bà H và ông Nguyễn Đỗ Hữu T đã cho ông Nguyễn Hồng H vay tiền thành 13 đợt, cụ thể như sau:

1/ Ngày 07/4/2021 chuyển khoản số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản 11775066789 – SCB với nội dung "chuyển tiền cho anh H mượn 01 tháng".

2/ Ngày 08/4/2021 chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản 663704068862222 – VIB với nội dung "chuyển khoản cho anh H mượn 01 tháng".

3/ Ngày 12/4/2021 chuyển số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản 11775066789 – SCB với nội dung "chuyển tiền cho anh H mượn 01 tháng".

4/ Ngày 06/5/2021 giao tiền mặt số tiền 15.000.000 đồng (thể hiện trên tin nhắn điện thoại).

5/ Ngày 07/5/2021 giao tiền mặt số tiền 120.000.000 đồng (thể hiện trên tin nhắn điện thoại).

6/ Ngày 15/6/2021 chuyển số tiền 85.000.000 đồng từ tài khoản 11775066789 – SCB với nội dung "chuyển tiền cho anh H mượn".

7/ Ngày 12/7/2021 chuyển số tiền 65.000.000 đồng từ tài khoản 11775066789 – SCB với nội dung "Minh H chuyển khoản cho anh H".

8/ Ngày 07/5/2021 giao tiền mặt số tiền 18.000.000 đồng (thể hiện trên tin nhắn điện thoại).

9/ Ngày 17/7/2021 chuyển số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản 11775066789 – SCB với nội dung "MH gui tien nho a H mua may tao oxy".

10/ Ngày 17/7/2021 chuyển số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản 11775066789 – SCB với nội dung "MH ck nho anh H mua may".

11/ Ngày 20/8/2021 giao tiền mặt số tiền 10.000.000 đồng (thể hiện trên tin nhắn điện thoại).

12/ Ngày 20/9/2021 chuyển số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản 11775066789 – SCB với nội dung "chuyen tien cho a H".

13/ Ngày 14/11/2021 chuyển số tiền 7.000.000 đồng từ tài khoản 11775066789 – SCB với nội dung "Vay cho con đóng tiền học".

(*Trừ 04 khoản giao tiền mặt, toàn bộ số tiền trên được chuyển khoản từ tài khoản 11775066789 tại Ngân hàng TMCP S, chi nhánh C và tài khoản 6637040xxxxxxxx tại Ngân hàng TMCP Q, chủ tài khoản tên Nguyễn Đỗ Hữu T đến tài khoản số 00710xxxxxxxx tại Ngân hàng Ngoại thương V, chủ tài khoản là ông Nguyễn Hồng H và tài khoản của 02 con gái của ông Nguyễn Hồng H là Nguyễn Võ Thảo V và Nguyễn Võ Thảo N*). Tại các bản tin nhắn đều thể hiện ông H thừa nhận có vay tiền của của bà H và ông T các khoản tiền nói trên để đóng học cho con, cũng nhiều lần hứa hẹn trả tiền, nhưng đến nay vẫn không trả. Cụ thể:

Tin nhắn ngày 12/10/2021 của ông H xác nhận có vay của ông T 473.000.000 đồng.

Tin nhắn ngày 14/11/2021 của ông H hỏi mượn 7.000.000 đồng cho con đóng tiền học và ông H xác nhận đã nhận số tiền trên cho 02 con gái.

Sau khi chuyển tiền cho ông H vay tính đến ngày 14/11/2023 tổng số tiền vốn là 510.000.000 (năm trăm mười triệu) đồng.

Như vậy, ông H đã vay của bà H và ông T số tiền vốn gốc tổng cộng: 510.000.000 *(năm trăm mười triệu đồng*) đồng.

Đến ngày 15/11/2021 bà H và ông T đã gọi điện và nhắn tin nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ, nhưng ông H chỉ nhắn tin lại xác nhận nợ nhưng không trả nợ.

Đến ngày 07/02/2022 ông H đã chuyển khoản trả được cho ông T số tiền 20.000.000 *(hai mươi triệu đồng)* đồng. Bà H và ông T xác nhận là tiền lãi ông H trả.

Nay bà H và ông T yêu cầu ông H trả số tiền nợ gốc 510.000.000 (năm trăm mười triệu) đồng cùng tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm. Tiền lãi được tính từ ngày chốt lại số nợ là ngày 15/11/2021 với mức lãi suất 10%/năm được tính từ ngày 15/11/2021 đến ngày 29/9/2023 tổng cộng là: 605.432.877 đồng (trong đó nợ vốn là 510.000.000 đồng, nợ lãi 95.432.877 đồng). Được trừ đi 20.000.000 đồng tiền lãi ông H đã trả vào ngày 07/02/2022. Số tiền lãi còn phải trả là: 95.432.877 đồng – 20.000.000 đồng = 75.432.877 đồng. Tổng số tiền vốn lãi còn phải trả đến ngày 29/9/2023 là 585.432.877 đồng và tiền lãi tiếp tục trả trên dư nợ gốc được tính từ ngày 30/9/2023 cho đến khi trả xong nợ.

Ngoài ra, nguyên đơn bà H và ông T không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Hồng H:

Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai

cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

[3] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn bà H, ông T xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ. Bị đơn ông H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải mà quyết định đưa vụ án ra xét xử

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà H1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H và ông T có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H và ông T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Bà H và ông T khởi kiện ông H để yêu cầu trả nợ vay. Ông H cư trú tại Quận M, nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự

Bà H và ông T khởi kiện ông H để yêu cầu thanh toán số nợ, nên bà H với ông T tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn. Ông H tham gia tố tụng với tư cách bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023 của nguyên đơn bà H và ông T ủy quyền cho bà H1 đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn bà H và ông T có bà H1 đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H và ông T:

Ngày 29/9/2023 bà H và ông T có bản khai bổ sung với những yêu cầu cụ thể là: Yêu cầu ông H trả số nợ vốn 510.000.000 đồng cùng tiền lãi 10%/năm tính từ ngày chốt thông báo trả nợ là ngày 15/11/2021 đến ngày 29/9/2023 (*được trừ đi số tiền lãi 20.000.000 đồng mà ông H đã chuyển trả vào ngày 07/02/2022*) và tiền lãi tiếp tục trả trên dư nợ gốc được tính từ ngày 30/9/2023 cho đến khi trả xong nợ. Như vậy bị đơn ông H phải trả số nợ vốn lãi tính đến ngày 29/9/2023 tổng cộng là: 605.432.877 đồng (trong đó nợ vốn là 510.000.000 đồng, nợ lãi 95.432.877 đồng), được trừ đi 20.000.000 đồng tiền lãi ông H đã trả vào ngày 07/02/2022. Số tiền lãi còn phải trả là 75.432.877 đồng. Và số tiền vốn lãi phải trả đến ngày 29/9/2023 là 585.432.877 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy; căn cứ lời khai cùng các bản sao kê, chuyển khoản của bà H, ông T chuyển đến tài khoản của ông H và tài khoản của con ông H nhưng được ông H xác nhận nợ qua tin nhắn điện thoại và có những khoản giao nhận trực tiếp không có ký nhận nhưng có tin nhắn của ông H xác nhận nợ (*căn cứ hóa đơn dịch vụ viễn thông đối với số điện thoại 093576xxxx và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân: L có cơ sở xác định là số điện thoại của bà H và căn cứ kết quả trả lời xác minh ngày 29/6/2023 của Tổng công ty viễn thông F đối với số điện thoại 093299xxxx có cơ sở xác định là số điện thoại của ông H. Do vậy có cơ sở xác định các tin nhắn cho vay tiền và xác nhận các khoản vay qua tin nhắn điện thoại được thực hiện nhắn qua lại là từ tài khoản số điện thoại của bà H và ông H*). Nên có cơ sở xác định bị đơn ông H có vay mượn nguyên đơn bà H và ông T với số tiền vốn như trên đến hạn không trả nợ và đã phát sinh lãi. Mức lãi như nguyên đơn bà H và ông T yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H và ông T buộc bị đơn ông H có trách nhiệm thanh toán số nợ vốn lãi như nêu trên cho nguyên đơn bà H và ông T cùng tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về phía bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến, yêu cầu, nguyện vọng (nếu có); do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn bà H và ông T cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H và ông T được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 320; 321; 322; 323; 357; 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 3; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Minh H và ông Nguyễn Đỗ Hữu T;

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hồng H trả cho nguyên đơn bà Đoàn Minh H và ông Nguyễn Đỗ Hữu T số tiền vốn lãi tổng cộng tính đến hết ngày 29/9/2023 là 585.432.877 (*năm trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy*) đồng {trong đó tiền vốn gốc là 510.000.000 (*năm trăm mười triệu*) đồng, tiền lãi là 75.432.877 (*bảy mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy*) đồng} cùng tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc được tính tiếp theo từ ngày 30/9/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 27.417.315 *(hai mươi bảy triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, ba trăm mười lăm)* đồng. Nguyên đơn bà Đoàn Minh H và ông Nguyễn Đỗ Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn bà Đoàn Minh H và ông Nguyễn Đỗ Hữu T số tiền tạm ứng án phí 13.762.280 *(mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi)* đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0019431 ngày 16/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Chinh